

Số: 22.1../QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 03 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/09/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang ;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho 195 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	43
2	Kỹ thuật xây dựng	01
3	Kế toán	117
4	Kỹ thuật nhiệt	02
5	Ngôn ngữ Anh	25
6	Quản trị kinh doanh	07
Tổng cộng		195

Điều 2. Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Thị Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Theo Quyết định số: 2.21/QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 3 năm 2019)

1. Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	LD15DT0150	Lê Văn Anh	24/10/1989	Hải Phòng	TB Khá	LD15DTT
2	LD15DT0151	Lê Duy Bình	05/02/1986	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
3	LD15DT0197	Đặng Đức Bình	02/05/1979	Hà Tĩnh	TB Khá	LD15DTT
4	LD15DT0152	Lê Tuấn Cường	16/11/1976	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
5	LD15DT0154	Trần Thái Dương	03/12/1977	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
6	LD15DT0153	Trần Quốc Dũng	24/03/1973	Gia Lai	TB Khá	LD15DTT
7	LD15DT0203	Nguyễn Anh Duy	10/09/1988	Đà Nẵng	TB Khá	LD15DTT
8	LD15DT0155	Võ Văn Đoàn	05/06/1981	Phú Yên	Khá	LD15DTT
9	LD15DT0156	Nguyễn Văn Hải	18/12/1986	Quảng Nam	Khá	LD15DTT
10	LD15DT0201	Cái Hiếu	11/07/1979	Thừa Thiên Huế	Khá	LD15DTT
11	LD15DT0159	Nguyễn Trung Hoan	16/10/1981	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
12	LD15DT0158	Nguyễn Văn Hoài	01/09/1972	Hải Dương	TB Khá	LD15DTT
13	LD15DT0194	Bùi Duy Hoàn	14/04/1985	Hưng Yên	TB Khá	LD15DTT
14	LD15DT0160	Bùi Xuân Hùng	27/02/1987	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
15	LD15DT0196	Trương Xuân Huy	18/05/1984	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
16	LD15DT0162	Nguyễn Hữu Khôi	07/11/1990	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
17	LD15DT0163	Nguyễn Trung Kiên	10/05/1985	Hà Tĩnh	Khá	LD15DTT
18	LD15DT0165	Lương Bảo Lâm	06/06/1986	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
19	LD15DT0166	Trương Quang Liêm	01/01/1972	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
20	LD15DT0167	Trần Hồng Liệp	18/08/1979	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
21	LD15DT0168	Nguyễn Đức Linh	12/12/1987	Bắc Ninh	TB Khá	LD15DTT
22	LD15DT0170	Trần Trọng Lộc	08/02/1987	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
23	LD15DT0171	Nguyễn Cảnh Lợi	08/04/1982	Nghệ An	TB Khá	LD15DTT
24	LD15DT0172	Phan Văn Mạnh	06/02/1974	Nam Định	Khá	LD15DTT
25	LD15DT0173	Lê Phước Minh	26/09/1985	Quảng Nam	TB Khá	LD15DTT
26	LD15DT0176	Huỳnh Tấn Năm	10/10/1981	Quảng Ngãi	TB Khá	LD15DTT
27	LD15DT0175	Nguyễn Văn Nam	07/09/1983	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
28	LD15DT0202	Trần Ngọc Nam	01/12/1970	Quảng Bình	TB Khá	LD15DTT
29	LD15DT0177	Phan Viết Ngọc	25/10/1986	Hà Tĩnh	Khá	LD15DTT
30	LD15DT0178	Trần Hoàng Vũ Phụng	07/09/1985	Lâm Đồng	Giỏi	LD15DTT
31	LD15DT0193	Trần Hoàng Phúc	15/10/1978	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
32	LD15DT0198	Trần Thanh Sang	19/09/1987	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
33	LD15DT0179	Mai Kim Sơn	22/09/1984	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
34	LD15DT0180	Trần Văn Sơn	10/12/1981	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
35	LD15DT0183	Nguyễn Thành Tâm	10/01/1986	Quảng Ngãi	Khá	LD15DTT
36	LD15DT0199	Phan Hoàng Thanh	25/05/1989	Nghệ An	Khá	LD15DTT
37	LD15DT0184	Nguyễn Hữu Thọ	12/06/1987	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
38	LD15DT0185	Nguyễn Minh Trí	16/01/1979	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
39	LD15DT0187	Huỳnh Thanh Tùng	20/03/1981	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTT
40	LD15DT0200	Đinh Quang Tuyển	12/03/1969	Nam Định	TB Khá	LD15DTT
41	LD15DT0189	Lê Bùi Minh Vũ	08/09/1984	Lâm Đồng	Khá	LD15DTT
42	LD15DT0191	Phan Huy Vũ	08/03/1980	Ninh Thuận	TB Khá	LD15DTT
43	LD15DT0192	Phạm Trọng Yên	18/08/1986	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DTT

Danh sách gồm 43 sinh viên.

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT15XD0104	Nguyễn Tấn Lực	29/06/1985	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD

Danh sách gồm 01 sinh viên.

3. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14DN0478	Ngô Thị Ngọc Bích	18/05/1988	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
2	14DN0532	Lê Việt Cường	26/11/1987	Thanh Hóa	TB Khá	LD14TDN
3	14DN0487	Lưu Văn Hậu	10/10/1978	Hà Tĩnh	Trung bình	LD14TDN
4	14DN0486	Trần Thị Hảo	23/05/1993	Lâm Đồng	Trung bình	LD14TDN
5	14DN0528	Lê Thị Hương	30/06/1993	Hòa Bình	TB Khá	LD14TDN
6	14DN0502	Nguyễn Thị Mai	26/08/1991	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
7	14DN0508	Đinh Thị Thu Phương	13/04/1989	Quảng Bình	Trung bình	LD14TDN
8	14DN0525	Vương Quang Thịnh	13/10/1980	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
9	LD15DN0200	Lương Sĩ Bằng	28/03/1987	Lâm Đồng	Khá	LD15DNT
10	LD15DN0201	Cao Thị Mai Cúc	26/02/1993	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
11	LD15DN0213	Trịnh Thị Lệ Diễm	18/11/1970	Quảng Ngãi	TB Khá	LD15DNT
12	LD15DN0202	Lê Hoàng Duy	30/04/1992	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
13	LD15DN0204	Trần Thị Thu Hà	28/05/1991	Phú Yên	Khá	LD15DNT
14	LD15DN0236	Nguyễn Thị Thu Hà	16/09/1993	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
15	LD15DN0206	Chu Đệ Hoa	10/11/1995	Lâm Đồng	Khá	LD15DNT
16	LD15DN0208	Hoàng Thị Hồng	26/01/1993	Quảng Bình	Khá	LD15DNT
17	LD15DN0209	Nguyễn Thị Hồng	01/05/1992	Lâm Đồng	Khá	LD15DNT
18	LD15DN0207	Nguyễn Thị Hòa	10/06/1974	Bắc Ninh	Giỏi	LD15DNT
19	LD15DN0211	Trần Văn Hưởng	16/11/1980	Nghệ An	TB Khá	LD15DNT
20	LD15DN0212	Hoàng Kiều Khanh	10/05/1995	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
21	LD15DN0214	Nguyễn Thị Liên	18/04/1975	Hải Phòng	TB Khá	LD15DNT
22	LD15DN0215	Nguyễn Thị Thùy Liên	12/01/1983	Lâm Đồng	Khá	LD15DNT
23	LD15DN0216	Huỳnh Kim Lý	29/11/1984	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
24	LD15DN0217	Đinh Công Minh	04/02/1991	Hà Nội	TB Khá	LD15DNT
25	LD15DN0218	Đinh Duy Nhân	24/10/1990	Quảng Bình	TB Khá	LD15DNT
26	LD15DN0219	Nguyễn Thị Mỹ Nữ	02/06/1987	Bình Định	TB Khá	LD15DNT
27	LD15DN0220	Dương Thị Phương	16/06/1989	Hà Tĩnh	TB Khá	LD15DNT
28	LD15DN0222	Lê Thị Thái Quỳnh	10/11/1978	Nghệ An	TB Khá	LD15DNT
29	LD15DN0223	Hoàng Thị Soa	02/02/1985	Hà Tĩnh	TB Khá	LD15DNT
30	LD15DN0224	Dương Thị Hoài Thanh	03/06/1992	Hà Tĩnh	TB Khá	LD15DNT
31	LD15DN0226	Nguyễn Thị Thành	13/09/1989	Nghệ An	TB Khá	LD15DNT
32	LD15DN0227	Trần Thị Bích Thuận	20/01/1985	Khánh Hòa	TB Khá	LD15DNT
33	LD15DN0239	Lê Minh Toàn	02/05/1992	Đồng Nai	TB Khá	LD15DNT
34	LD15DN0229	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/02/1989	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DNT
35	LD15DN0231	Vũ Thị Thùy Trang	16/07/1981	Cần Thơ	TB Khá	LD15DNT
36	LD15DN0233	Võ Thị Ngọc Trúc	12/08/1986	Lâm Đồng	Khá	LD15DNT
37	LD15DN0234	Đoàn Thị Thu Vân	12/01/1985	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
38	LD15DN0147	Lê Thị Vâm	10/10/1989	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DNT
39	LD15DN0235	Trương Thị Hoàng Vi	17/02/1985	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNT
40	16DN1553	Nguyễn Thùy An	05/10/1988	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
41	16DN0500	Mai Thị Lan Anh	19/08/1978	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
42	16DN0501	Trần Thị Tú Anh	27/02/1980	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
43	16DN0502	Lê Nguyễn Quốc Bảo	04/02/1994	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
44	16DN0503	Nguyễn Hữu Bình	14/12/1990	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN

	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
45	16DN1555	Nguyễn Ngọc Minh	Đoan	25/10/1991	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
46	16DN0505	Lại Thúy	Hà	10/12/1983	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
47	16DN0506	Bạch Minh	Hiền	16/11/1995	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
48	16DN0507	Nguyễn Thị	Hoa	04/12/1994	Hà Tĩnh	TB Khá	LD16CDN
49	16DN0508	Nguyễn Huy	Hoàng	22/09/1993	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
50	16DN0541	Trần Nguyễn Quý	Hòa	05/10/1993	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
51	16DN0510	Cao Thu	Hương	11/05/1995	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
52	16DN0511	Nguyễn Thị Minh	Hương	15/12/1989	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
53	16DN0512	Phan Trung	Hữu	20/10/1992	Nghệ An	Khá	LD16CDN
54	16DN0539	Đặng Hoàng	Khang	25/10/1994	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
55	16DN0513	Nguyễn Xuân Anh	Khoa	20/12/1994	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
56	16DN0514	Lê	Lâm	10/09/1989	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
57	16DN0515	Trương Thị Cẩm	Lệ	17/05/1985	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
58	16DN0540	Huỳnh Thanh	Liêm	21/02/1993	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
59	16DN0516	Lê Xuân	Nam	07/04/1987	Thanh Hóa	TB Khá	LD16CDN
60	16DN0518	Đặng Hoài	Ngân	28/09/1991	Đà Lạt	TB Khá	LD16CDN
61	16DN0517	Đỗ Thanh	Ngà	25/09/1992	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
62	16DN1551	Phạm Thị Thu	Nguyên	09/10/1995	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
63	16DN0519	Võ Minh	Nhật	10/07/1994	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
64	16DN0520	Lê Nguyên Ngọc	Nường	07/10/1994	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
65	16DN0521	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	11/09/1989	Đắk Lắk	TB Khá	LD16CDN
66	16DN0546	Đào Thị Hoàng	Oanh	26/06/1992	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
67	16DN0523	Võ Thị	Phượng	10/01/1992	Quảng Ngãi	Khá	LD16CDN
68	16DN0522	Trần	Phú	03/02/1986	Nghệ An	Khá	LD16CDN
69	16DN1552	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/12/1995	Thanh Hóa	Khá	LD16CDN
70	16DN0524	Lê Ngọc	Thanh	18/09/1987	Thừa Thiên Huế	TB Khá	LD16CDN
71	16DN0525	Lê Thị	Thảo	06/08/1990	Hà Tĩnh	TB Khá	LD16CDN
72	16DN0526	Nguyễn Hoàng Duy	Thảo	27/03/1994	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
73	16DN0547	Kiều Thị	Thảo	16/06/1989	Hà Nội	Khá	LD16CDN
74	16DN0527	Nguyễn Thị	Thuận	02/12/1986	Nghệ An	Khá	LD16CDN
75	16DN0529	Lương Thị Thu	Thúy	25/12/1993	Quảng Nam	Khá	LD16CDN
76	16DN0549	Phạm Thị Phương	Thúy	03/11/1994	Quảng Ninh	Khá	LD16CDN
77	16DN0545	Nguyễn Nữ Thùy	Trâm	01/10/1992	Khánh Hòa	Khá	LD16CDN
78	16DN0543	Bùi Thị Minh	Trang	02/01/1992	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
79	16DN0544	Đỗ Thị Ninh	Trang	22/11/1986	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
80	16DN0531	Phan Hoàng Nhật	Triều	08/10/1994	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
81	16DN0548	Lê Thị Sơn	Tuyền	28/04/1992	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
82	16DN0532	Hoàng Thanh	Tuyết	26/08/1992	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
83	16DN0534	Lâm Thị Tường	Vi	09/11/1987	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
84	16DN1556	Nguyễn Hữu Quang	Vinh	14/03/1991	Lâm Đồng	TB Khá	LD16CDN
85	16DN0533	Tống Trần Đình	Vũ	29/11/1993	Lâm Đồng	Khá	LD16CDN
86	11DN1614	Nguyễn Trường	Huy	21/07/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT11TDN4
87	12DN0200	Trần Nguyễn Phương	Thảo	17/11/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT12TDN2
88	14DN0243	Nguyễn Thị	Đào	19/04/1990	Quảng Ngãi	TB Khá	NT14TDN1
89	14DN0286	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/07/1991	Phú Yên	Trung bình	NT14TDN1
90	14DN0294	Kiều Trần Tuyết	Vân	27/11/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN1
91	14DN1050	Nguyễn Thị Kiều	Lam	25/02/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN21
92	NT15DN2089	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	28/08/1992	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN2
93	15DN0204	Đặng Thanh	Nhã	15/08/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
94	15DN0216	Trần Thị	Hà	21/03/1993	Ninh Bình	TB Khá	NT15TDN1

ruk

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
95	15DN0226	Vũ Thị Hải				
96	15DN0227	Nguyễn Ngọc Trang	19/06/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
97	LT2014012	Lê Thanh Đức	01/11/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
98	LT2014004	Trương Hữu Duy	19/12/1986	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
99	LT2014005	Lê Kim Khôi	19/02/1984	Kiên Giang	Khá	LKT2014
100	LT2014006	Trần Thị Liên	19/07/1991	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
101	LT2014007	Huỳnh Hoài Mến	07/09/1991	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
102	LT2014008	Nguyễn Thị Thúy Nam	21/08/1992	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
103	LT2014010	Nguyễn Thị Thúy Nga	18/03/1990	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
104	LT2014011	Nguyễn Khôi Nguyên	19/12/1992	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
105	LT2014013	Phạm Thị Hồng Nhung	26/11/1991	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
106	LT2014015	Nguyễn Thúy Oanh	30/01/1990	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
107	LT2014018	Phạm Văn Qui	02/01/1984	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
108	LT2014019	Võ Thị Cẩm Tiên	08/11/1992	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
109	LT2014020	Đỗ Quan Trạng	09/06/1905	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
110	LT2014021	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/1991	Kiên Giang	TB Khá	LKT2014
111	14DN0147	Lý Phùng Xương	26/06/1987	Kiên Giang	Khá	LKT2014
112	14DN0158	Dương Quang Hưng	14/10/1983	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
113	14DN0176	Nguyễn Thị Mộng Tiên	02/04/1991	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
114	14DN0746	Mai Trung Kiên	29/03/1982	Thanh Hóa	TB Khá	CR14TDN1
115	NT16DN0113	Nguyễn Thị Khuê	02/07/1982	Hải Phòng	TB Khá	NT16CDN1
116	NT16DN0132	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/08/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN1
117	16DN0611	Phan Thị Minh Hòa	08/10/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN2
	16DN0614	Nguyễn Thị Huyền	09/09/1992	Nghệ An	TB Khá	NT16CDN2

Danh sách gồm 117 sinh viên.

4. Ngành: Kỹ thuật nhiệt

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	15DN0314	Nguyễn Minh Hùng	19/10/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CNL1
2	15DN0340	Nguyễn Văn Hùng	04/08/1990	Quảng Ngãi	TB Khá	NT15CNL1

Danh sách gồm 02 sinh viên.

5. Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT16B20151	Nguyễn Thị Loan	18/05/1989	Thanh Hóa	Khá	NT16B2TA1
2	KG16B2002	Lê Thị Hồng Ân	20/09/1993	Kiên Giang	Giỏi	KG16B2TA1
3	KG16B2001	Nguyễn Văn An	1985	Đồng Tháp	Khá	KG16B2TA1
4	KG16B2004	Mai Kim Chi	09/08/1980	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
5	KG16B2005	Lê Ngọc Danh	08/12/1986	Khánh Hòa	TB Khá	KG16B2TA1
6	KG16B2009	Dương Thị Diệu	16/08/1980	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
7	KG16B2007	Vũ Kim Điểm	20/07/1980	Thái Bình	TB Khá	KG16B2TA1
8	KG16B2051	Vũ Văn Điệp	21/03/1977	Ninh Bình	Khá	KG16B2TA1
9	KG16B2012	Phan Hoàng Giảo	08/11/1982	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
10	KG16B2016	Lê Hồng Hạnh	19/07/1980	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
11	KG16B2019	Lưu Bá Hoà	29/11/1982	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
12	KG16B2022	Huỳnh Thị Liên	20/05/1988	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
13	KG16B2023	Huỳnh Thị Thu Linh	13/11/1982	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
14	KG16B2025	Hoàng Thị Lý	04/12/1990	Thanh Hóa	Khá	KG16B2TA1
15	KG16B2028	Dương Thị Ngọc Ngân	02/01/1992	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
16	KG16B2032	Đỗ Thị Kim Phương	07/10/1985	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
17	KG16B2057	Lý Minh Thư	01/08/1991	Kiên Giang	Giỏi	KG16B2TA1
18	KG16B2053	Đặng Thanh Sơn	03/09/1969	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1

r	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
19	KG16B2042	Trương Thị Tú	Trần	13/11/1978	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
20	KG16B2046	Hà Thị Thanh	Tuyển	01/01/1981	An Giang	Khá	KG16B2TA1
21	KG16B2045	Huỳnh Thị Khánh	Tuyển	02/08/1983	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1
22	KG16B2047	Trang Thanh	Việt	24/10/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG16B2TA1
23	KG16B2049	Nguyễn	Vương	21/10/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG16B2TA1
24	KG16B2048	Lê Quang	Vũ	28/01/1983	Cần Thơ	Khá	KG16B2TA1
25	KG16B2050	Huỳnh Kim	Yến	20/11/1986	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA1

Danh sách gồm 25 sinh viên.

6. Ngành: Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	16QT0106	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	31/01/1993	Khánh Hòa	Khá	NT16CQT
2	16QT0113	Lê Thị	Mơ	03/02/1992	Hà Tĩnh	TB Khá	NT16CQT
3	16QT0115	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/03/1992	Khánh Hòa	Khá	NT16CQT
4	16QT0124	Chế Thị Ân	Thúy	20/01/1993	Khánh Hòa	Khá	NT16CQT
5	16QT0127	Trương Quốc	Tuấn	07/01/1992	Nam Định	TB Khá	NT16CQT
6	16QT0132	Phan Công	Tuấn	10/05/1994	Đà Nẵng	TB Khá	NT16CQT
7	16QT0129	Trương Thuần Tuấn	Anh	19/04/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CQT

Danh sách gồm 07 sinh viên.

Handwritten signature

ĐẠI HỌC